

Số: **41** /BC-UBND

Hà Nam, ngày **18** tháng 4 năm 2017

BÁO CÁO

Đánh giá về cơ chế quản lý, cơ chế tài chính, hệ thống tổ chức các đơn vị sự nghiệp thuộc lĩnh vực giáo dục và đào tạo được giao quản lý giai đoạn 2011-2016; định hướng và giải pháp để tiếp tục đổi mới cơ chế quản lý, cơ chế tài chính, tổ chức lại các đơn vị sự nghiệp trong thời gian tới

Thực hiện Công văn số 1067/BGDĐT-TCCB ngày 17 tháng 03 năm 2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc đánh giá về đổi mới cơ chế quản lý, cơ chế tài chính, tổ chức lại hệ thống tổ chức các đơn vị sự nghiệp công lập lĩnh vực giáo dục và đào tạo, Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Nam trân trọng báo cáo như sau:

PHẦN I

ĐÁNH GIÁ CƠ CHẾ QUẢN LÝ, CƠ CHẾ TÀI CHÍNH, HỆ THỐNG TỔ CHỨC CÁC ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP THUỘC LĨNH VỰC GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO ĐƯỢC GIAO QUẢN LÝ GIAI ĐOẠN 2011-2016

I. ĐÁNH GIÁ CƠ CHẾ QUẢN LÝ CÁC ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP THUỘC LĨNH VỰC GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO ĐƯỢC GIAO QUẢN LÝ GIAI ĐOẠN 2011-2016

1. Đối với các đơn vị sự nghiệp công lập

a. Những quy định của pháp luật về cơ chế quản lý đối với các đơn vị sự nghiệp công lập; nội dung của cơ chế quản lý đối với các đơn vị sự nghiệp công lập

- Những quy định của pháp luật về cơ chế quản lý đối với các đơn vị sự nghiệp công lập

+ Luật Giáo dục số 38/2005/QH11 ngày 14/6/2005, Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Giáo dục số 44/2009/QH12 ngày 25/11/2009;

+ Điều lệ trường mầm non; trường tiểu học; trường THCS, THPT và trường phổ thông có nhiều cấp học;

+ Quy chế tổ chức và hoạt động của trường trung học phổ thông chuyên;

+ Nghị định số 43/2006/NĐ-CP ngày 25/4/2006 quy định quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế và tài chính đối với đơn vị sự nghiệp công lập;

+ Thông tư số 71/2006/TT-BTC ngày 09/8/2006 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Nghị định số 43/2006/NĐ-CP;

+ Quyết định số 46/2014/QĐ-UBND ngày 16 tháng 10 năm 2014 của UBND tỉnh Hà Nam về việc ban hành quy định về phân công, phân cấp quản lý tổ chức bộ máy, cán bộ, công chức, viên chức và người lao động;

+ Quyết định số 07/2015/QĐ-UBND của UBND tỉnh Hà Nam quy định về chính sách hỗ trợ đối với cán bộ, công chức, viên chức được cử đi đào tạo sau

đại học và chính sách thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao (thay thế Quyết định số 19/2009/QĐ-UBND).

- Nội dung của cơ chế quản lý đối với các đơn vị sự nghiệp công lập
- + Về thực hiện nhiệm vụ, xây dựng và tổ chức hoạt động
- + Về tổ chức bộ máy, biên chế và nhân sự
- + Về quản lý và sử dụng viên chức
- + Về quản lý tài chính

b. Đánh giá việc triển khai thực hiện cơ chế quản lý các đơn vị sự nghiệp công lập

- Kết quả đạt được:

+ Nâng cao nhận thức về đổi mới cơ chế hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công của các cấp lãnh đạo, chính quyền, của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức. Các đơn vị đã chủ động trong việc rà soát, sắp xếp lại bộ máy tổ chức đơn vị tinh gọn, hoạt động hiệu quả.

+ Căn cứ quy định của pháp luật về cơ chế quản lý các đơn vị sự nghiệp công lập, UBND tỉnh đã cụ thể hóa chủ trương, chính sách của Nhà nước về cơ chế quản lý đối với các đơn vị thuộc lĩnh vực giáo dục và đào tạo giai đoạn 2011-2016 và triển khai thực hiện kịp thời, đúng quy định, cụ thể:

Tổ chức, bộ máy các cơ sở giáo dục thực hiện theo đúng luật giáo dục, Điều lệ trường học

Về biên chế: Đối với giáo dục mầm non, trên cơ sở biên chế các đơn vị chủ động xây dựng theo quy định tại Thông tư 71/2007/TTLT- BGDĐT-BNV và hiện nay đã được thay thế bằng Thông tư 06/2015/TTLT- BGDĐT-BNV, theo phân cấp UBND các huyện/thành phố giao biên chế cho các đơn vị.

Căn cứ tình hình thực tế về quy mô trường lớp, các cơ sở giáo dục tiểu học, THCS, THPT xây dựng kế hoạch biên chế theo quy định tại Thông tư 35/2006/TTLT- BGDĐT-BNV hướng dẫn định mức biên chế viên chức ở các cơ sở giáo dục phổ thông công lập và Thông tư 59/2008/TT- BGDĐT hướng dẫn định mức biên chế viên chức ở các trường chuyên biệt và kết hợp với quy định về chế độ làm việc của giáo viên phổ thông tại Thông tư 28/2009/TT-BGDĐT. Trên cơ sở đó, UBND các huyện/thành phố, Sở GD&ĐT giao chỉ tiêu biên chế cho các đơn vị theo phân cấp.

+ Thực hiện tốt công tác tuyển dụng viên chức ngành giáo dục theo đúng quy định của Nhà nước, của Bộ GD&ĐT, phù hợp với điều kiện thực tiễn của tỉnh, không để xảy ra thắc mắc khiếu kiện.

+ Tăng cường giao quyền tự chủ về tài chính cho các cơ sở giáo dục công lập tạo điều kiện để phát huy mọi khả năng của đơn vị, từng bước giảm dần bao cấp từ ngân sách nhà nước.

- Những hạn chế:

+ Cơ chế quản lý và phương thức hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập chưa được đổi mới đồng bộ.

+ Tư duy ở một bộ phận cán bộ, công chức, viên chức trong ngành còn hạn chế, chậm đổi mới, còn trông chờ vào sự bao cấp của Nhà nước.

2. Đối với các đơn vị sự nghiệp ngoài công lập

a. Những quy định của pháp luật về cơ chế quản lý đối với các đơn vị sự nghiệp ngoài công lập; nội dung của cơ chế quản lý đối với các đơn vị sự nghiệp công lập

Hà Nam là một tỉnh có hệ thống trường lớp công lập được quy hoạch đồng bộ, mạng lưới các cơ sở giáo dục phổ thông Hà Nam phân bố rộng khắp, phù hợp với đặc điểm địa lý và phân bố dân cư của địa phương, đáp ứng tương đối đủ nhu cầu học tập của con em nhân dân trong tỉnh nên hiện nay không có mô hình trường ngoài công lập cấp tiểu học, THCS, THPT. Năm 2011, tỉnh Hà Nam đã hoàn thành chuyển đổi 112 trường mầm non bán công thành trường mầm non công lập và giải thể 04 trường THPT dân lập năm 2014. Hiện nay, trên địa bàn tỉnh chỉ có 02 trường mầm non tư thục.

- Những quy định của pháp luật về cơ chế quản lý đối với trường mầm non tư thục:

+ Thông tư số 13/2015/TT- BGDĐT ngày 30/6/2015 của Bộ GD&ĐT ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động trường mầm non tư thục.

+ Điều lệ trường mầm non ban hành theo Quyết định số 14/2008/QĐ- BGDĐT ngày 07/4/2008 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT

b. Đánh giá việc triển khai thực hiện cơ chế quản lý các đơn vị sự nghiệp ngoài công lập

- Kết quả đạt được

Việc triển khai thực hiện cơ chế quản lý đối với trường mầm non ngoài công lập theo đúng quy định tại Thông tư số 13/2015/TT- BGDĐT và Điều lệ trường mầm non.

II. ĐÁNH GIÁ CƠ CHẾ TÀI CHÍNH CÁC ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP THUỘC LĨNH VỰC GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO ĐƯỢC GIAO QUẢN LÝ GIAI ĐOẠN 2011-2016

1. Đối với đơn vị sự nghiệp công lập

a) Những quy định của pháp luật về cơ chế tài chính đối với đơn vị sự nghiệp công lập; nội dung cơ chế tài chính đối với đơn vị sự nghiệp công lập

- Luật Ngân sách nhà nước số 01/2002/QH11 ngày 16/12/2002; Luật kế toán số 03/2003/QH11 ngày 17/6/2003;

- Nghị định số 43/2006/NĐ-CP ngày 25/4/2006 của Chính phủ quy định quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế và tài chính đối với đơn vị sự nghiệp công lập; Thông tư số 71/2006/TT- BTC ngày 09/8/2006 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Nghị định số

43/2006/NĐ-CP của Chính phủ;

- Quyết định số 59/2010/QĐ-TTg ngày 30/9/2010 của Thủ tướng Chính phủ về ban hành định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước năm 2011;

- Nghị định số 16/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2016 của Chính phủ về việc quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập.

b) Đánh giá việc triển khai thực hiện cơ chế tài chính đối với đơn vị sự nghiệp công lập

* Kết quả đạt được

- Về triển khai thực hiện theo Nghị định 43/2006/NĐ-CP: Đến nay các đơn vị sự nghiệp công lập từ cấp tỉnh đến huyện, thị, thành phố đã tổ chức triển khai Nghị định 43/2006/NĐ-CP đến các đơn vị trực thuộc, đã xác định được mục đích yêu cầu của việc thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế và tài chính.

- Về phân loại đơn vị sự nghiệp:

+ Toàn tỉnh hiện có 380 đơn vị sự nghiệp giáo dục công lập (tăng 77 đơn vị so với năm 2011 do chuyển đổi 112 trường MN bán công thành công lập, các trường MN, TH, THCS, TTGDTX), bao gồm: Mầm non có 116 đơn vị; Tiểu học có 121 đơn vị; THCS có 118 đơn vị; THPT có 23 đơn vị; Trung tâm GDTX-HN 01. CĐSP 01.

Trong đó:

Tổng số đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Sở GD&ĐT quản lý: 25 đơn vị;

Tổng số đơn vị sự nghiệp công lập thuộc huyện, thành phố quản lý: 355 đơn vị.

+ Số đơn vị thực hiện Nghị định 43/2006/NĐ-CP: (Có biểu báo cáo kèm theo)

- Về kết quả thực hiện chế độ tự chủ về tài chính:

+ Đã chỉ đạo ban hành các tiêu chí làm căn cứ đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ đối với các cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn tỉnh, cụ thể:

Hàng năm, theo phân cấp, Sở Giáo dục và Đào tạo, Phòng Giáo dục và Đào tạo tiến hành phê duyệt và giao kế hoạch nhiệm vụ cho từng đơn vị về các chỉ tiêu: Số lớp, số học sinh...và kết quả thực hiện là cơ sở xem xét, đánh giá, cho điểm để làm căn cứ đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ đối với từng đơn vị sự nghiệp.

+ Thực hiện các quy định về công khai tài chính: Các đơn vị thực hiện tốt chế độ công khai tài chính theo quy định tại Thông tư số 21/2005/TT-BTC ngày 22/3/2005 và Thông tư số 10/2005/TT-BTC ngày 02/02/2005 của Bộ Tài chính cụ thể công khai về thu, chi tất cả các nguồn kinh phí bao gồm ngân sách nhà nước cấp, thu học phí, lệ phí, các khoản thu sự nghiệp khác; Công khai về mua sắm tài sản cố định, trang thiết bị ... tại Hội nghị cán bộ viên chức khi kết thúc năm học cũ, bắt đầu năm học mới (tháng 8) và khi kết thúc năm tài chính.

+ Tình hình xây dựng quy chế chi tiêu nội bộ của các đơn vị sự nghiệp:

Để thực hiện quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về tài chính, các đơn vị đã xây dựng và công bố công khai chế độ quản lý tài chính và chế độ chi tiêu nội bộ của đơn vị để tăng cường công tác quản lý, sử dụng có hiệu quả các nguồn lực, thúc đẩy phát triển hoạt động sự nghiệp, khai thác nguồn thu, tăng thu, tiết kiệm chi, kết quả: 100% các đơn vị sự nghiệp đã thực hiện xây dựng quy chế chi tiêu nội bộ theo hướng dẫn tại Thông tư số 71/2006/TT-BTC; đa số các đơn vị áp dụng hình thức khoán chi theo mức cụ thể hàng tháng cho các nội dung: thanh toán dịch vụ công cộng; thanh toán công tác phí trong tỉnh; thanh toán vật tư văn phòng; Điện thoại công vụ; điện thấp sáng; hội nghị. Định mức khoán cơ bản dựa theo định mức do các cơ quan có thẩm quyền ban hành.

Căn cứ tình hình thực tế đơn vị, nhiệm vụ được giao, khả năng tài chính, các đơn vị đã chủ động xây dựng định mức các khoản chi cho chuyên môn, nghiệp vụ cao hơn, hoặc thấp hơn so với quy định của nhà nước. Quy chế chi tiêu nội bộ đã được thảo luận công khai, nhất trí ở từng đơn vị, Thủ trưởng đơn vị phê duyệt, Công đoàn đơn vị nhất trí. Các đơn vị đã thực hiện nghiêm túc quy chế chi tiêu nội bộ dưới sự giám sát của Hội đồng trường và Ban thanh tra nhân dân.

Thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm về tài chính đối với đơn vị sự nghiệp công lập đã tạo điều kiện cho đơn vị chủ động tổ chức hoạt động dịch vụ tăng nguồn thu, chủ động phân bổ nguồn tài chính của đơn vị theo nhu cầu chi tiêu đối với từng lĩnh vực trên tinh thần tiết kiệm, thiết thực và hiệu quả. Cơ chế tự chủ tạo điều kiện cho đơn vị sự nghiệp thực hiện việc kiểm soát chi tiêu nội bộ, phát huy tính dân chủ, chủ động, sáng tạo của người lao động; nâng cao kỹ năng quản lý, chất lượng hoạt động sự nghiệp; từng bước rà soát lại chức năng nhiệm vụ của cơ quan hành chính đối với đơn vị sự nghiệp, xoá bỏ tình trạng hành chính hóa các hoạt động sự nghiệp; giảm dần sự can thiệp trực tiếp của cơ quan chủ quản và cơ quan tài chính đối với hoạt động của đơn vị sự nghiệp. Đảm bảo thực hiện đúng nguyên tắc dân chủ, công khai, minh bạch trong tổ chức sắp xếp công việc, nhân sự, chi tiêu tài chính, tạo không khí đoàn kết, phấn khởi trong nội bộ của từng đơn vị. Đến nay 100% các đơn vị sự nghiệp giáo dục công lập đã được giao quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về tài chính theo quy định tại Nghị định số 43/2006/NĐ-CP và Nghị định số 16/2015/NĐ-CP của Chính phủ.

* Những khó khăn, tồn tại:

- Đơn vị sự nghiệp sử dụng ngân sách cần có sự điều tiết của nhà nước mới đảm bảo việc thực hiện nhiệm vụ giáo dục của các địa phương, vùng khó khăn về điều kiện kinh tế, giao thông ...

- Việc thực hiện quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm của đơn vị sự nghiệp công lập nhằm phát huy trách nhiệm và tính chủ động sáng tạo của các đơn vị sự nghiệp, huy động tổng hợp các nguồn lực tài chính, lao động, tài sản... quan trọng của khu vực sự nghiệp để phát triển mạnh các loại hình hoạt động sự nghiệp đáp

ứng nhu cầu phát triển của xã hội, ngày càng làm giảm áp lực về biên chế, chi tiêu ngân sách cho các đơn vị sự nghiệp. Tuy nhiên, với kết quả đạt được nêu trên, thực tế vẫn chưa có bước chuyển biến mạnh nhất là các đơn vị sự nghiệp cấp cơ sở, cơ sở vật chất chưa đáp ứng được yêu cầu; việc ban hành cơ chế chính sách thực hiện Nghị định số 43/2006/NĐ-CP của Chính phủ đối với đơn vị sự nghiệp chậm, chưa đồng bộ;

- Trình độ chuyên môn nghiệp vụ quản lý tài chính của một số đơn vị sự nghiệp giáo dục công lập thuộc huyện, thành phố còn hạn chế đã làm ảnh hưởng đến hiệu quả việc thực hiện cơ chế tự chủ tài chính tại đơn vị.

- Đơn vị sự nghiệp công lập do ngân sách đảm bảo toàn bộ kinh phí hoạt động do mức khoán thấp, nguồn thu sự nghiệp còn rất hạn chế nên đa số có tăng

* Nguyên nhân của hạn chế:

Nguyên nhân chủ quan: Một số đơn vị sự nghiệp công lập chưa sẵn sàng để tiến tới tự chủ, thậm chí còn có tâm lý trông chờ vào ngân sách Nhà nước.

Nguyên nhân khách quan: Do xu hướng những năm gần đây có sự biến động số học sinh giảm, dẫn đến biến động về số biên chế, mặt khác viên chức nữ của ngành nghỉ thai sản chiếm tỷ lệ tương đối lớn này đã làm ảnh hưởng đến việc giao quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về tài chính cho đơn vị ổn định trong 3 năm liền kề; Nghị định số 16/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ Quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập trong đó chưa ban hành văn bản cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập giáo dục và đào tạo, do đó khó khăn trong việc triển khai thực hiện. Hiện nay vẫn đang thực hiện cơ chế tự chủ theo quy định tại Nghị định số 43/2006/NĐ-CP.

2. Đối với đơn vị sự nghiệp ngoài công lập

a) Những quy định của pháp luật về cơ chế tài chính đối với đơn vị sự nghiệp ngoài công lập; nội dung của cơ chế tài chính đối với đơn vị sự nghiệp ngoài công lập

- Nghị định số 69/2008/NĐ-CP ngày 30/5/2008 của Chính phủ về chính sách khuyến khích xã hội hóa đối với các hoạt động trong lĩnh vực giáo dục, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường;

- Nghị định số 49/2010/NĐ-CP ngày 14/5/2010 của Chính phủ quy định về miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập và cơ chế thu, sử dụng học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân từ năm học 2010-2011 đến năm học 2014-2015; Nghị định số 86/2015/NĐ-CP ngày 02/10/2015 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập từ năm học 2015-2016 đến năm học 2020-2021;

- Thông tư số 13/2015/TT-BGDĐT ngày 30/6/2015 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành quy chế tổ chức và hoạt động trường mầm non tư thục;

- Thông tư số 03/2011/TT-BGDĐT ngày 28/01/2011 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành quy chế tổ chức và hoạt động của trung tâm ngoại ngữ, tin học;

b) Đánh giá việc triển khai thực hiện cơ chế tài chính các đơn vị sự nghiệp ngoài công lập

Các đơn vị sự nghiệp ngoài công lập hoạt động theo nguyên tắc tự nguyện góp vốn, tự chủ về tài chính, tự cân đối thu chi; thực hiện các quy định của pháp luật về chế độ kế toán, kiểm toán, nghĩa vụ với ngân sách nhà nước và những quy định hiện hành khác liên quan.

* Kết quả cụ thể đạt được

- Toàn tỉnh hiện có 02 cơ sở giáo dục mầm non ngoài công lập.

- 100% số cán bộ, giáo viên, nhân viên trình độ đạt chuẩn và trên chuẩn, đáp ứng được yêu cầu quản lý, giảng dạy, hoạt động giáo dục trong các cơ sở giáo dục.

* Những hạn chế:

Việc thực hiện xã hội hóa, phát triển cơ sở giáo dục ngoài công lập trên địa bàn tỉnh mới phát triển ở giáo dục mầm non; quy mô các cơ sở còn nhỏ lẻ. Các tổ chức xã hội, cá nhân chưa có động lực để phát triển giáo dục ngoài công lập trên địa bàn tỉnh; nguồn lực tập trung từ xã hội hóa giáo dục còn khó khăn và nhiều hạn chế.

* Nguyên nhân của hạn chế:

Hà Nam là tỉnh còn nhiều khó khăn, địa bàn hẹp, dân số ít nên công tác xã hội hóa, thu hút đầu tư gặp nhiều khó khăn.

III. ĐÁNH GIÁ HỆ THỐNG TỔ CHỨC VÀ NHÂN LỰC TRONG CÁC ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP THUỘC LĨNH VỰC GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO ĐƯỢC GIAO QUẢN LÝ GIAI ĐOẠN 2011-2016

A. Đối với các đơn vị sự nghiệp công lập

1. Các quy định pháp luật hiện hành về tổ chức, sử dụng nhân lực trong các đơn vị sự nghiệp công lập

a) Về tổ chức bộ máy

- Nghị định số 115/2010/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2010 quy định trách nhiệm quản lý nhà nước về giáo dục;

- Thông tư liên tịch số 11/2015/TTLT/BGDĐT-BNV ngày 29/5/2015 của liên Bộ GD&ĐT và Bộ Nội vụ hướng dẫn về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở GD&ĐT thuộc UBND tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, phòng GD&ĐT thuộc UBND các huyện, thành phố thuộc tỉnh;

- Nghị định số 55/2012/NĐ-CP ngày 28 tháng 6 năm 2012 của Chính phủ quy định về thành lập, tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập;

- Quyết định số 46/2014/QĐ-UBND ngày 16 tháng 10 năm 2014 của UBND tỉnh Hà Nam về việc ban hành quy định về phân công, phân cấp quản lý

tổ chức bộ máy, cán bộ, công chức, viên chức và người lao động.

b) Về cơ chế quản lý tuyển dụng, sử dụng nhân lực

- Luật viên chức số 58/2010/QH12 ngày 15/11/2010 của Quốc hội;
- Nghị định số 29/2012/NĐ-CP ngày 12/4/2012 của Chính phủ về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức;
- Thông tư số 15/2012/TT-BNV ngày 25/12/2012 của Bộ Nội vụ hướng dẫn về tuyển dụng, ký kết hợp đồng làm việc và đền bù chi phí đào tạo, bồi dưỡng đối với viên chức;
- Thông tư số 04/2015/TT-BNV ngày 31/8/2015 của Bộ Nội vụ sửa đổi, bổ sung Điều 6 Thông tư số 15/2012/TT-BNV về tuyển dụng, ký kết hợp đồng làm việc và đền bù chi phí đào tạo, bồi dưỡng đối với viên chức;
- Thông tư số 16/2012/TT-BNV ngày 28/12/2012 của Bộ Nội vụ ban hành quy chế thi tuyển, xét tuyển viên chức; quy chế thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp đối với viên chức và nội quy kỳ thi tuyển, thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp đối với viên chức;
- Thông tư số 05/2016/TT-BGDĐT ngày 21/3/2016 của Bộ GD&ĐT quy định thời gian tập sự theo chức danh nghề nghiệp giáo viên, giảng viên;
- Các Thông tư liên tịch số 20,21,22,23/2015/TTLT-BGDĐT-BNV của liên Bộ GD&ĐT và Bộ Nội quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp đối với giáo viên phổ thông các cấp;
- Thông tư số 28/2009/TT-BGDĐT ngày 21/10/2009 của Bộ GD&ĐT quy định về chế độ làm việc đối với giáo viên phổ thông;
- Thông tư liên tịch số 35/2006/TTLT-BGDĐT-BNV ngày 23/8/2006 của liên Bộ GD&ĐT và Bộ Nội hướng dẫn định mức biên chế viên chức ở các cơ sở giáo dục phổ thông công lập;
- Thông tư số 59/2008/TT-BGDĐT ngày 31/10/2008 của Bộ GD&ĐT hướng dẫn định mức biên chế sự nghiệp giáo dục ở các trường chuyên biệt công lập;
- Thông tư liên tịch số 06/2015/TTLT-BGDĐT-BNV ngày 16/3/2015 của liên Bộ GD&ĐT và Bộ Nội quy định về danh mục khung vị trí việc làm và định mức số lượng người làm việc trong các cơ sở giáo dục mầm non công lập;
- Quyết định số 16/2010/QĐ-UBND của UBND tỉnh Hà Nam về việc phân cấp tuyển dụng viên chức ngành Giáo dục và Đào tạo;
- Quyết định số 07/2015/QĐ-UBND của UBND tỉnh Hà Nam quy định về chính sách hỗ trợ đối với cán bộ, công chức, viên chức được cử đi đào tạo sau đại học và chính sách thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao (thay thế Quyết định số 19/2009/QĐ-UBND).

2. Thực trạng hệ thống tổ chức, nhân lực làm việc trong các đơn vị sự nghiệp công lập

a) Về tổ chức bộ máy

- Tổng số đơn vị sự nghiệp công lập thuộc lĩnh vực giáo dục và đào tạo được giao quản lý năm 2011: 302, trong đó:

+ Đơn vị sự nghiệp thực hiện tự chủ chi thường xuyên: 0

+ Đơn vị sự nghiệp thực hiện tự chủ một phần chi thường xuyên: 12

+ Đơn vị sự nghiệp do ngân sách nhà nước bảo đảm chi thường xuyên: 290

- Tổng số đơn vị sự nghiệp công lập thuộc lĩnh vực giáo dục và đào tạo được giao quản lý năm 2016: 380, trong đó:

+ Đơn vị sự nghiệp thực hiện tự chủ chi đầu tư và chi thường xuyên: 0

+ Đơn vị sự nghiệp thực hiện tự chủ chi thường xuyên: 0

+ Đơn vị sự nghiệp thực hiện tự chủ một phần chi thường xuyên: 106

+ Đơn vị sự nghiệp do ngân sách nhà nước bảo đảm chi thường xuyên: 274

- Những thay đổi về sắp xếp kiện toàn hệ thống tổ chức từ năm 2011-2016 trên cơ sở các quy định tại văn bản quy phạm pháp luật:

Thực hiện Quy hoạch Giáo dục và Đào tạo Hà Nam đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030, tỉnh Hà Nam đã cơ cấu lại các đơn vị sự nghiệp giáo dục. Toàn tỉnh hiện có 116 trường Mầm non công lập (giảm 04 trường), 121 trường Tiểu học (giảm 19 trường), 118 trường THCS (giảm 06 trường), 23 trường THPT (giảm 04 trường THPT dân lập do giải thể), 01 trung tâm giáo dục thường xuyên - hướng nghiệp tỉnh (sáp nhập giữa Trung tâm KTTH-HN với Trung tâm GDTX tỉnh), 01 trường CĐSP (Hiện Trường CĐSP đang chờ văn bản giải thể của Bộ GD&ĐT và chuyển giao về Trường ĐHSP Hà Nội quản lý); sáp nhập 05 Trung tâm dạy nghề, Trung tâm giáo dục thường xuyên công lập cấp huyện thành Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên và bàn giao toàn bộ cơ cấu, tổ chức bộ máy, biên chế về UBND các huyện quản lý.

b) Về quy mô, cơ cấu nhân lực làm việc trong các đơn vị sự nghiệp công lập

* Về nhân lực trong các đơn vị sự nghiệp công lập

- Tổng số người làm việc năm 2011: 10755, trong đó:

+ Số người làm việc được cơ quan có thẩm quyền giao: 9764

+ Số người làm việc do đơn vị sự nghiệp quyết định: 453

+ Số lao động hợp đồng theo Nghị định 68/2000/NĐ-CP: 538

- Tổng số người làm việc năm 2016: 12517, trong đó:

+ Số người làm việc được cơ quan có thẩm quyền giao: 10119

+ Số người làm việc do đơn vị sự nghiệp quyết định: 1852

+ Số lao động hợp đồng theo Nghị định 68/2000/NĐ-CP: 546

- Việc tăng, giảm số lượng người làm việc năm 2016 so với năm 2011:

tăng 1762 người, do việc chuyển 112 trường mầm non bán công thành trường mầm non công lập trên địa bàn tỉnh.

Nhìn chung đội ngũ cán bộ, giáo viên, nhân viên được bố trí đủ về số lượng, đảm bảo về trình độ chuyên môn nghiệp vụ, có phẩm chất đạo đức tốt, đáp ứng yêu cầu giáo dục và đào tạo trong giai đoạn hiện nay.

3. Đánh giá những mặt được, hạn chế của hệ thống tổ chức, chất lượng nhân lực và công tác đào tạo, bồi dưỡng nhân lực làm việc trong các đơn vị sự nghiệp công lập

a) Ưu điểm

*** Về tổ chức bộ máy**

- Xây dựng và triển khai thực hiện Quy hoạch Giáo dục và đào tạo Hà Nam đến năm 2020, tầm nhìn 2030 trong đó tập trung vào việc điều chỉnh quy hoạch mạng lưới các cơ sở giáo dục và đào tạo và dạy nghề thuộc thẩm quyền quản lý đảm bảo mỗi xã chỉ có 1 trường mầm non, 1 trường tiểu học; hoàn thành việc sáp nhập Trung tâm GDTX với Trung tâm dạy nghề cấp huyện thành trung tâm Giáo dục nghề nghiệp-Giáo dục thường xuyên giao cho UBND các huyện quản lý; hoàn thành việc bàn giao chức năng và các cơ sở giáo dục nghề nghiệp từ Sở Giáo dục và Đào tạo sang Sở Lao động- Thương binh và Xã hội quản lý.

- Việc sắp xếp, tinh gọn bộ máy đã tiết giảm được một số cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên hành chính. Sau khi sáp nhập đội ngũ giáo viên của các trường tăng nên thuận lợi cho việc bố trí, sắp xếp giáo viên các môn ít giờ, thuận lợi cho việc nâng cao chất lượng sinh hoạt tổ, nhóm chuyên môn nhằm nâng cao năng lực chuyên môn, nghiệp vụ, đổi mới phương pháp giảng dạy đáp ứng yêu cầu dạy và học trong giai đoạn hiện nay. Mặt khác, các địa phương có điều kiện tập trung đầu tư các nguồn lực xây dựng cơ sở vật chất phục vụ cho nhà trường hiệu quả hơn.

- Từng bước cơ cấu lại đội ngũ cán bộ quản lý, viên chức theo yêu cầu tăng cường chất lượng, tinh giản biên chế, đáp ứng yêu cầu thực hiện nhiệm vụ đến năm 2020.

*** Về công tác tuyển dụng**

Thực hiện tuyển dụng giáo viên đúng quy định của Nhà nước, đảm bảo khách quan, công bằng, chính xác, chất lượng, được nhân dân đánh giá cao, không để xảy ra thắc mắc khiếu kiện. Hiện nay, UBND tỉnh đang xây dựng kế hoạch tuyển dụng giáo viên các cấp học, bậc học, trong đó chú trọng năng lực thực tế của người dự tuyển kết hợp với kết quả đào tạo của người dự tuyển tại các cơ sở đào tạo thực hiện thống nhất trong toàn tỉnh, phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương.

*** Về chất lượng nhân lực và công tác đào tạo, bồi dưỡng nhân lực**

- Công tác bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên được chú trọng. Hiện nay, tỷ lệ giáo viên đạt

chuẩn ở tất cả các bậc học, cấp học đều là 100%, trong đó tỷ lệ giáo viên trên chuẩn của mầm non: 89.5%, tiểu học: 96.5%, THCS: 77%, THPT: 13,58%.

- Sở GD&ĐT đã xây dựng kế hoạch bồi dưỡng đối với các cơ sở giáo dục, trong đó đặc biệt chú trọng bồi dưỡng phẩm chất và nâng cao năng lực chuyên môn nghiệp vụ, đổi mới phương pháp dạy học, tăng cường các kỹ năng nghề nghiệp đáp ứng yêu cầu đổi mới chương trình, sách giáo khoa phổ thông; có kế hoạch bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp hiện giữ hoặc hạng chức danh nghề nghiệp dự kiến thi thăng hạng cho cán bộ quản lý, giáo viên nhằm đáp ứng yêu cầu tiêu chuẩn của chức danh nghề nghiệp tại các Thông tư số 20,21,22,23/2015/TTLT-BGDĐT-BNV quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp giáo viên mầm non, tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông trên cơ sở kế hoạch tự bồi dưỡng của cá nhân, có các giải pháp để thực hiện tốt việc bồi dưỡng thường xuyên giáo viên, cán bộ quản lý giáo dục theo các thông tư của Bộ GD&ĐT đã ban hành nhằm đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục và đào tạo theo tinh thần Nghị quyết 29.

- Công tác đánh giá cán bộ quản lý, giáo viên theo Chuẩn hiệu trưởng, chuẩn nghề nghiệp giáo viên theo quy định của Bộ GD&ĐT; đánh giá công chức, viên chức theo Nghị định 56/2015/NĐ-CP được triển khai nghiêm túc, phản ánh tương đối trung thực năng lực của CBQL, giáo viên.

b) Những khó khăn, tồn tại

- Trong điều kiện thực tế hiện nay các quy định về tuyển dụng không được đưa thêm các điều kiện riêng của tỉnh, nhu cầu việc làm ít (do quy mô trường, lớp giảm), nguồn sinh viên sư phạm đông (nhiều trường đào tạo không căn cứ nhu cầu xã hội) nên việc tuyển dụng khó khăn đối với các địa phương, áp lực xã hội lớn.

- Các cơ sở đào tạo đánh giá kết quả học tập chưa thống nhất trong bảng điểm gây khó khăn cho cơ quan tuyển dụng.

- Số cán bộ quản lý, giáo viên trong các cơ sở giáo dục hiện nay được đảm bảo theo quy định tại Thông tư liên tịch số 06/2015/TTLT-BGDĐT-BNV đối với các trường mầm non; Thông tư số 35/2006/TTLT-BGDĐT-BNV đối với các trường phổ thông, Thông tư số 59/2008/TT-BGDĐT đối với trường chuyên nhưng đội ngũ nhân viên hỗ trợ, phục vụ trong các nhà trường chưa đủ, nhân viên thiết bị trường học cấp THPT chưa được đào tạo, nhân viên kế toán, y tế trường học chưa được phép tuyển, còn làm việc theo chế độ hợp đồng và kiêm nhiệm nên chất lượng công việc không cao.

- Công tác phân loại đánh giá viên chức: Hiện nay viên chức ngành Giáo dục và Đào tạo đang thực hiện đồng thời đánh giá xếp loại theo Chuẩn nghề nghiệp theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo; đánh giá, phân loại công chức, viên chức hàng năm theo Nghị định 56/2015/NĐ-CP dẫn tới lãng phí, chồng chéo, ảnh hưởng đến thời gian thực hiện nhiệm vụ chuyên môn.

- Chế độ, chính sách đối với nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục chưa thực sự đồng viên, khuyến khích đội ngũ nhà giáo tận tụy, tâm huyết với nghề, tiêu chuẩn, định mức chi tiêu còn thiếu tính thực tiễn, còn nhiều bất cập nhưng chưa được kịp thời bổ sung, sửa đổi cho phù hợp.

c) Nguyên nhân của những khó khăn, tồn tại

- Việc không còn ưu tiên trong tuyển dụng đối với đối tượng chính sách gây thắc mắc ở những người trước đây thuộc diện ưu tiên trong tuyển dụng.

- Đánh giá, xếp loại CBQL, giáo viên theo nhiều kênh và chưa được tích hợp.

- Công tác đào tạo nhân viên thiết bị trường học, tuyển dụng đối với nhân viên kế toán, y tế trường học chưa được quan tâm đúng mức.

B. Đối với các đơn vị sự nghiệp ngoài công lập

1. Các quy định pháp luật hiện hành về tổ chức các đơn vị sự nghiệp ngoài công lập

- Quyết định số 39/2001/QĐ-BGDĐT ngày 28/8/2001 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về Quyết định ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động các trường ngoài công lập;

- Quyết định số 14/2008/QĐ-BGDĐT ngày 07/4/2008 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về Quyết định ban hành Điều lệ Trường mầm non;

- Thông tư số 44/2010/TT-BGDĐT ngày 30/12/2010 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Điều lệ Trường mầm non ban hành kèm theo Quyết định số 14/2008/QĐ-BGDĐT;

- Thông tư số 05/2011/TT-BGDĐT ngày 10/02/2011 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc sửa đổi, bổ sung điểm d khoản 1 Điều 13; khoản 2 Điều 16; khoản 1 Điều 17 và điểm c khoản 2 Điều 18 của Điều lệ Trường mầm non ban hành kèm theo Quyết định số 14/2008/QĐ-BGDĐT và đã được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 44/2010/TT-BGDĐT;

- Thông tư số 09/2015/TT-BGDĐT ngày 14/5/2015 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về sửa đổi, bổ sung một số điều của Điều lệ Trường mầm non ban hành kèm theo Quyết định số 14/2008/QĐ-BGDĐT;

- Thông tư số 13/2015/TT-BGDĐT ngày 30/6/2015 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về Thông tư ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động trường mầm non tư thục;

- Văn bản hợp nhất số 04/VBHN-BGDĐT ngày 24/12/2015 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về Quyết định ban hành Điều lệ trường mầm non.

2. Thực trạng hệ thống tổ chức, số lượng người làm việc trong các đơn vị sự nghiệp ngoài công lập (có biểu kèm theo)

3. Đánh giá những mặt được, hạn chế của hệ thống tổ chức trong các đơn vị sự nghiệp ngoài công lập

a) Những mặt được

- Cấp uỷ Đảng, chính quyền đã nhận thức sâu sắc hơn về ý nghĩa, vai trò và tầm quan trọng của loại hình trường ngoài công lập trong quá trình phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

- Các đơn vị giáo dục ngoài công lập được tự chủ và tự chịu trách nhiệm về quy hoạch, kế hoạch phát triển, tổ chức các hoạt động giáo dục, xây dựng và phát triển đội ngũ nhà giáo, huy động, sử dụng và quản lý các nguồn lực để thực hiện mục tiêu giáo dục. Hiệu quả hoạt động từng bước được nâng lên, tạo công ăn việc làm ổn định cho nhiều giáo viên mầm non chưa được tuyển dụng vào biên chế.

b) Những hạn chế

Các đơn vị giáo dục ngoài công lập có thái độ phục vụ tốt, tuy nhiên quy mô còn nhỏ bé, số lượng dịch vụ còn hạn chế, chất lượng chuyên môn sâu chưa đạt được như khối công lập, phát triển không đồng đều và mới chủ yếu tập trung ở thị trấn, thành phố, khu công nghiệp.

PHẦN II

MỤC TIÊU, QUAN ĐIỂM, NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP ĐỔI MỚI CƠ CHẾ QUẢN LÝ, CƠ CHẾ TÀI CHÍNH, HỆ THỐNG TỔ CHỨC CÁC ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP CÔNG LẬP THUỘC LĨNH VỰC GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO ĐƯỢC GIAO QUẢN LÝ

I. MỤC TIÊU, QUAN ĐIỂM

1. Mục tiêu

Trao quyền tự chủ về thực hiện nhiệm vụ, về tổ chức bộ máy, tự chủ về nhân sự trên cơ sở vị trí việc làm và cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp được cấp có thẩm quyền phê duyệt, tự chủ về tài chính để hoàn thành nhiệm vụ được giao; phát huy mọi khả năng của đơn vị để cung cấp dịch vụ với chất lượng cao cho xã hội; tăng nguồn thu nhằm từng bước giải quyết thu nhập cho người lao động.

Đổi mới, xây dựng tổ chức bộ máy đồng bộ, tinh gọn, có tính ổn định, phù hợp với chức năng nhiệm vụ; xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức ngành Giáo dục và Đào tạo có phẩm chất chính trị, đạo đức, trình độ năng lực chuyên môn nghiệp vụ ngày càng cao, đáp ứng yêu cầu đổi mới toàn diện giáo dục và đào tạo theo yêu cầu của Nghị quyết 29-NQ/TW.

2. Quan điểm

Việc đổi mới cơ chế quản lý, cơ chế tài chính, tổ chức lại hệ thống các đơn vị sự nghiệp công lập lĩnh vực giáo dục và đào tạo hướng tới mục tiêu tinh gọn, chất lượng, hiệu quả, công bằng, phù hợp với lộ trình cải cách hành chính nhà nước và tình hình thực tế của địa phương.

II. NHÓM NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP ĐỔI MỚI CƠ CHẾ QUẢN LÝ, CƠ CHẾ TÀI CHÍNH, HỆ THỐNG TỔ CHỨC CÁC ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP CÔNG LẬP

1. Nhóm nhiệm vụ và giải pháp đổi mới cơ chế quản lý

Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, sự quản lý của Nhà nước đối với công tác quản lý các đơn vị sự nghiệp giáo dục, bảo đảm dân chủ, thống nhất; tăng quyền tự chủ và trách nhiệm xã hội của các đơn vị sự nghiệp giáo dục. Đẩy mạnh cải cách hành chính, nâng cao chất lượng và hiệu quả công tác quản lý, chú trọng quản lý chất lượng giáo dục; tăng cường thanh tra, kiểm tra, giám sát các hoạt động giáo dục.

+ Đổi mới cơ chế quản lý đội ngũ viên chức, thu hút người có tài năng, có trình độ cao tham gia vào đội ngũ viên chức để nâng cao chất lượng phục vụ người dân trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo.

+ Thực hiện chính sách khuyến khích phát triển xã hội hóa nhằm thu hút các nguồn lực trong xã hội tham gia đầu tư, phát triển lĩnh vực giáo dục và đào tạo;

Nhà nước tập trung xây dựng, hoàn thiện hành lang pháp lý, hoàn thiện thể chế về cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm cho các đơn vị sự nghiệp công lập

2. Nhiệm vụ và giải pháp đổi mới cơ chế tài chính

Thực hiện đổi mới cơ chế tài chính đối với đơn vị sự nghiệp công lập cung cấp các dịch vụ sự nghiệp công có khả năng xã hội hoá cao, tự đảm bảo một phần chi phí hoạt động. Thực hiện cơ cấu lại chi NSNN đối với lĩnh vực sự nghiệp công theo hướng NSNN đảm bảo kinh phí hoạt động thường xuyên đối với các đơn vị sự nghiệp công lập giáo dục. Đổi mới cơ chế tài chính theo hướng tăng cường phân cấp và tăng tính tự chủ đối với các đơn vị sự nghiệp trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo

3. Nhóm nhiệm vụ và giải pháp đổi mới hệ thống tổ chức

Tăng cường sự lãnh đạo của các cấp uỷ đảng, chính quyền các địa phương đối với giáo dục và đào tạo nói chung, đơn vị sự nghiệp nói riêng. Xây dựng và củng cố tổ chức đảng, các đoàn thể trong nhà trường ngày càng vững mạnh. Phát huy hiệu lực, hiệu quả của Hội đồng quản lý trong đơn vị sự nghiệp và vai trò của các ngành, các đoàn thể, tổ chức xã hội đối với sự nghiệp giáo dục và đào tạo.

Cơ cấu lại hệ thống các đơn vị sự nghiệp công, giao quyền tự chủ phù hợp, nâng cao năng lực quản trị, hiệu quả hoạt động trong việc thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy nhân sự.

PHẦN III ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

Nhà nước, Chính phủ hoàn thiện hệ thống pháp luật về quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về nhiệm vụ, tổ chức bộ máy của các đơn vị sự nghiệp công lập.

Xây dựng Nghị định quy định cơ chế tự chủ của các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc lĩnh vực giáo dục và đào tạo.

Cơ chế quản lý nên phân cấp quản lý cơ sở giáo dục cho tỉnh. Tùy điều kiện thực tế của địa phương để thực hiện phân cấp cho cơ sở giáo dục một số nội

dung trong quản lý cho phù hợp, hiệu quả.

Đề nghị Bộ Giáo dục và Đào tạo phối hợp với các cơ quan liên quan tích hợp các hình thức đánh giá đối với cán bộ quản lý, giáo viên trong các đơn vị sự nghiệp công lập.

Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Nam trân trọng báo cáo./.

Nơi nhận:

- Bộ GD&ĐT;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Lưu: VT, NC.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Bùi Quang Cẩm



CƠ QUAN : UBND TỈNH HÀ NAM



VỀ SỐ LƯỢNG CÁC ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP CÔNG LẬP GIAI ĐOẠN 2011 - 2016

(Kèm theo Báo cáo số 41 / BC-UBND ngày 18 tháng 4 năm 2017)

STT	Bộ, ngành, địa phương	Năm 2011				Năm 2016				Ghi chú		
		Tổng số đơn vị sự nghiệp công lập	Chia ra			Tổng số đơn vị sự nghiệp công lập	Chia ra					
			Đơn vị tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư	Đơn vị tự bảo đảm chi thường xuyên	Đơn vị tự bảo đảm một phần chi thường xuyên		Đơn vị do nhà nước bảo đảm chi thường xuyên	Đơn vị tự bảo đảm chi thường xuyên	Đơn vị tự bảo đảm một phần chi thường xuyên		Đơn vị do nhà nước bảo đảm chi thường xuyên	
1	UBND tỉnh Hà Nam	302	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13

CƠ QUAN : UBND TỈNH HÀ NAM

Biểu số 2

VỀ SỐ LƯỢNG NGƯỜI LÀM VIỆC TRONG ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP CÔNG LẬP GIAI ĐOẠN 2011 - 2016

(Kèm theo Báo cáo số **41** /BC-UBND ngày **18** tháng 4 năm 2017)

STT	Bộ, ngành, địa phương	Năm 2011						Năm 2016				Ghi chú
		Tổng số người làm việc	Chia ra			Tổng số người làm việc	Chia ra					
			Số lượng người làm việc được cấp có thẩm quyền giao	Số lượng người làm việc đơn vị tự quyết định	HDLĐ theo ND68/2000/ND-CP		Số lượng người làm việc được cấp có thẩm quyền giao	Số lượng người làm việc đơn vị tự quyết định	HDLĐ theo ND68/2000/ND-CP			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11		
1	UBND tỉnh Hà Nam	10755	9764	453	538	12517	10119	1852	546	Bao gồm 1489 giáo viên mầm non hợp đồng theo Thông tư 09		

CƠ QUAN : UBND TỈNH HÀ NAM

Biểu số 3

VỀ TỒ CHỨC, SỐ LƯỢNG NGƯỜI LÀM VIỆC TRONG ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP NGOÀI CÔNG LẬP GIAI ĐOẠN 2011 - 2016

(Kèm theo Báo cáo số **41** /BC-UBND ngày **18** tháng 4 năm 2017)

STT	Cơ quan	Năm 2011		Năm 2016		Số sánh tăng, giảm (cột 5/3)	Số sánh tăng, giảm (cột 6/4)	Ghi chú
		Tổng số đơn vị sự nghiệp ngoài công lập	Tổng số lượng người làm việc trong các đơn vị sự nghiệp ngoài công lập	Tổng số đơn vị sự nghiệp ngoài công lập	Tổng số lượng người làm việc trong các đơn vị sự nghiệp ngoài công lập			
1	UBND tỉnh Hà Nam	112	1785	2	60	-110	-1715	giảm do chuyển đổi 112 trường bán công sang công lập
		3	4	5	6	7	8	9

